

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP BAY
(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP BAY
APPLICATION FORM FOR REQUEST OF FLIGHT AUTHORIZATION

Kính gửi/To:

Căn cứ Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ, Nghị định số XX/2011/NĐ-CP ngày DD/MM/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2008/NĐ-CP/Pursuant to Decree No.36/2008/NĐ-CP dated 28 March 2008 of the Government on the management of unmanned aircraft and ultra light Instrument, Decree No.XX/2011/NĐ-CP dated DD/MM/2011 of the Government on Revision and Supplement of Decree No.36/2008/NĐ-CP.

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép bay/Applicant

- Tên/Full name:

- Địa chỉ/Address:

- Quốc tịch/Nationality:

- Điện thoại, fax/Phone, fax:

Đề nghị Cục Tác chiến cấp phép hoạt động bay cho loại phương tiện bay sau đây/Request Department of Operations issue flight authorization for the aircraft or ultra light Instrument below:

2. Phương tiện bay/Aircrafts or ultra light Instrument:

- Loại phương tiện bay, tên gọi/Type of aircraft or ultra light Instrument, call sign:

- Nhà sản xuất/Manufacturer:

- Số xuất xưởng/Manufacturer's Serial Number:
 - Trọng lượng cất cánh tối đa/Aircraft maximum take - off weight (MTOW):
 - Năm sản xuất/Year of Delivery from the Manufacturer:
 - Số lượng và kiểu loại động cơ/Number and Designation of Engines:
 - Dấu hiệu đăng ký (nếu có)/Registration Mark (if possible):
 - Trang thiết bị thông tin hàng không, thiết bị dẫn đường, giám sát bay, thiết bị chụp ảnh/Avionics Equipment, type of communication, Navigation, Surveillance and camera:
 - Thuyết minh tính năng kỹ thuật hàng không, kích thước (rộng, dài, cao), độ cao bay tối đa, tốc độ bay tối đa, bán kính hoạt động, phương pháp điều khiển bay, thời gian hoạt động trên không, khả năng mang, treo/Performance specification, Dimension (width, length, height), Service Ceiling, Max Cruising Speed, Range with Max Fuel (no reserve), Way of Control, Endurance of Flight:
 -
 -
 - Các thông tin và tính năng kỹ thuật khác, trang bị khác/Additional Informations, Performance specification and Equipments:
 -
3. Mục đích thực hiện bay/Purpose of flight:
 4. Kích thước khu vực vùng trời tổ chức bay/Dimension of Airspace's Area for Flights:
 5. Số ngày và thời gian tổ chức bay/Dates and Times for Day requested:
 6. Sân bay (hoặc tên khu vực mặt đất, mặt nước) bảo đảm cho việc cất cánh, hạ cánh của tàu bay, phương tiện bay/Location or Name of Area of Land/Water for Take Off/Landing:
 7. Sơ đồ bay/Flight Chart:
 8. Tài liệu gửi kèm theo đơn/The below reference documents are attached:

- Ảnh chụp tàu bay, phương tiện bay (kích thước tối thiểu 18 x 24 cm)/Photo of Aircraft (dimension 18x24cm).

- Bản thuyết minh kỹ thuật hàng không/Performance specifications.

-

Chúng tôi (Tôi) cam kết thực hiện đúng các quy định của phép bay, các quy định về bay, quản lý - điều hành bay trong vùng trời Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam/We (I) undertake to realize all Terms in the Flight Authorization, Rules the Air and Air Traffic Management in Vietnamese Airspace and other stipulations of Vietnam.

Tôi cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin/I certify that all of the information above and attached to this request is true, correct and complete.

Ngày/Date tháng/Month năm/Year
Người làm đơn/Applicant
(Ký tên, đóng dấu/Signature and stamp)